

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 10 - 5 - 2024

V/v: “T/c ly hôn, chia tài sản chung,
nợ chung khi ly hôn và bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giêng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quốc K - Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Chí C - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Trương Hoàng Vũ

Nơi làm việc: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Lê Văn C1

Nơi làm việc: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2)

Địa chỉ: Số B, N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H - Giám đốc Chi nhánh H5.

2. Ông Phạm Thanh L1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Ông Lê Chí T (Lê Thành T1), sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Châu Thanh H1, sinh năm 1972

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

6. Ông Nguyễn Trọng K1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

7. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964

8. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967

9. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1947

10. Bà Dương Thị H3, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

11. Cục thuế tỉnh H

Địa chỉ: Số A, đường C, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B - Cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T4 - Phó chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A1.

12. Ông Trương Hùng C2

Nơi làm việc: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: đường V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

13. Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng T5 (nay là Văn phòng C4)

Địa chỉ: Số B, đường N, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mạc Hồng V - Trưởng văn phòng

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ.

2. Bà Trương Thị L.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Từ tháng 01/2015 ông với bà Trương Thị L sống chung với nhau như vợ chồng, đến ngày 07/3/2018 đăng ký kết hôn; ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L. Về con chung: chưa có.

Về tài sản chung gồm: (i) Một căn nhà cấp 4, ngang 08m và dài 35m, xây dựng trên phần đất có chiều ngang 08m, chiều dài 50m tại ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Phần đất mua của ông Châu Thanh H1 và ông Nguyễn Văn T2 trước khi đăng ký kết hôn, lúc mua chỉ làm giấy tay, sau đó chỉnh lý biến động cho bà L đứng tên, giá trị nhà và đất khoảng 1.000.000.000 đồng, hiện do bà L đang quản lý, sử dụng. (ii) Một bộ salon gỗ hương 10 món, tay 22cm, mặt dày 10cm, trị giá 600.000.000 đồng; một bộ salon gỗ cẩm 10 món, tay 18cm, mặt dày 10cm, trị giá 800.000.000 đồng; hai bộ bàn tròn gỗ xá xị mặt rộng 120cm, mặt dày 10cm, trị giá 30.000.000 đồng/bộ; hai cặp lục bình gỗ hương, đường kính 50cm, cao 160cm, trị giá 35.000.000 đồng/cặp; một cái giường ngủ gỗ hương, trị giá 40.000.000 đồng. Các tài sản này bà L đang quản lý, sử dụng. Về tài sản chung ông Đ yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung gồm: (i) Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H5 (S2) số tiền gốc là 300.000.000 đồng (đáo hạn nhiều lần), hiện tại vẫn còn nợ gốc và tiền lãi từ tháng 02/2020 cho đến nay. Mục đích của việc vay nợ là để phục vụ việc kinh doanh của Công ty (mua đồ gỗ) do ông Đ với bà L làm chủ doanh nghiệp. (ii) Vay của ông Phạm Thanh L1 ngày 23/11/2018, với số tiền là

502.344.177 đồng, mục đích vay nợ là đáo hạn ngân hàng và để phục vụ kinh doanh (mua đồ gỗ) của Công ty do ông Đ với bà L làm chủ doanh nghiệp, hiện tại vẫn còn nợ ông L1. (iii) Nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông Lê Thành T1 (tên gọi khác là Lê Chí T) để xây nhà, cũng là cơ sở kinh doanh tại ấp A, thị trấn N, huyện V; mua vào năm 2018 và 2019, không có làm hợp đồng, giao hàng nhiều đợt, hiện còn nợ ông T 240.000.000 đồng. Về nợ chung, ông Đ yêu cầu chia đôi nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng S2; chia đôi khoản nợ vốn và lãi suất 20%/năm từ ngày 23/11/2018 cho đến khi trả hết nợ cho ông L1 và chia đôi số tiền nợ mua vật liệu xây nhà của ông T.

Ngày 22/4/2022 ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện bổ sung như sau: Khi ông Đ bỏ đi, thì các tài sản gồm: (1) Một bộ salon gỗ hương 10 món, tay 22cm, mặt dày 10cm; một bộ salon gỗ cẩm 10 món, tay 18cm, mặt dày 10cm; hai bộ bàn tròn gỗ xá xị mặt rộng 120cm x dày 10cm; hai cặp lục bình gỗ hương, đường kính 50cm, cao 160cm; một cái giường ngủ gỗ hương ngang 1,8m x dài 2m, các tài sản này bà L đang quản lý, sử dụng. Đến ngày 29/4/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (sau đây viết là CCTHADS) tiến hành kê biên tài sản, niêm phong gồm: một bộ salon gỗ cẩm, dày 10cm, gồm 01 băng ghế dài 03m; 04 ghế lớn, 02 ghế đôn lớn, 02 ghế đôn nhỏ, một mặt bàn giữa, mỗi món dày 10 cm; hai chân bàn bằng gỗ hương, không có mặt bàn; hai chân bàn bằng gỗ xá xị, không có mặt bàn. Khi CCTHADS huyện V đình chỉ thi hành án, giải toả việc kê biên tài sản, nhưng không giao các tài sản này cho ai quản lý; đến khi Toà án tiến hành xem xét, thẩm định thì các tài sản này không còn. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu các bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, ông Trương Hoàng V1 và ông Lê Văn C1 bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá.

Bị đơn bà Trương Thị L trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn Đ bắt đầu sống chung với nhau sau khi đăng ký kết hôn ngày 07/3/2018, ông bà không có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp A, thị trấn N, huyện V, ông bà chỉ thỉnh thoảng sống chung với nhau, vì ông Đ thường xuyên về nhà vợ trước sống, đến ngày 28/01/2020 phát sinh mâu thuẫn, ông Đ bỏ nhà đi cho đến nay; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và tiền bạc, ông Đ lấy tiền đi làm công trình nhưng không thấy đem tiền về. Do đó, bà L đồng ý ly hôn với ông Đ. Về con chung: chưa có. Tài sản chung: không có.

- Nhà và đất như ông Đ khai là tài sản riêng của bà L, do bà mua của ông Nguyễn Văn T2 vào năm 2017 với giá 250.000.000 đồng, việc giao nhận tiền do bà L và vợ chồng ông T2 trực tiếp giao dịch, nguồn gốc số tiền mua đất là do bà bán nhà ở ấp C, xã V, huyện V. Đây là tài sản riêng của bà L nên bà không đồng ý chia.

- Một bộ salon gỗ hương 10 món; 02 bộ bàn tròn gỗ xá xị; 02 cặp lục bình gỗ hương bà L không biết của ai, bà cũng không quản lý tài sản này.

- Một bộ salon gỗ cẩm 10 món và 01 cái giường ngủ gỗ hương là tài sản riêng của bà L, mua trước khi đăng ký kết hôn; hiện bà L đang quản lý sử dụng 01 cái giường ngủ gỗ hương, còn đối với 01 bộ salon gỗ cẩm 10 món bà L đã

bán (không nhớ thời gian và người mua). Đây là tài sản riêng của bà L nên bà không đồng ý chia.

- Đối với khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng thì bà L đồng ý chia đôi.

- Đối với khoản nợ mà ông Đ vay của ông Phạm Thanh L1 và nợ liệu xây dựng của ông Lê Chí T thì bà L không biết nên không đồng ý trả nợ.

Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (do ông Hà Quốc K đại diện) trình bày: Theo Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/4/2020 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy (sau đây viết là: Toà án) về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Kê biên tài sản đang tranh chấp”, buộc bà Trương Thị L phải thực hiện biện pháp kê biên tài sản đang tranh chấp gồm: 01 bộ salon 10 món gỗ hương, dày 10cm; 01 bộ salon 10 món gỗ cẩm, dày 10cm; 02 bộ bàn tròn gỗ xá xị, rộng 1,2m, dày 10cm; 02 cặp lục bình gỗ hương, đường kính 50cm, cao 1,6m; 01 giường ngủ gỗ hương 1,8m x 02m và 02 chân bàn bằng gỗ hương. Do tình hình dịch bệnh, thực hiện Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ nên tạm ngưng việc kê biên tài sản do bà L đang quản lý. Đến ngày 29/4/2020, ông Trương Hoàng V1 - Chấp hành viên đã phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền địa phương kê biên tài sản và niêm phong tài sản của bà L. Đến ngày 06/5/2020, Toà án ra Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT về việc huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vì vậy, CCTHADS huyện V đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc giải toả kê biên tài sản và Quyết định số 31/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc đình chỉ thi hành án. Như vậy, việc thi hành án đối với bà L đã được thi hành xong. Do đó, việc khởi kiện của ông Đ đối với CCTHADS huyện V là không phù hợp, sai đối tượng; trường hợp bà L làm thất thoát tài sản của ông Đ thì ông Đ có quyền khởi kiện bà L để yêu cầu bồi thường theo quy định.

Bị đơn ông Trương Hoàng V1 trình bày: Ngày 29/4/2020, ông V1 thực hiện nhiệm vụ do Thủ trưởng đơn vị (ông Trương Hùng C2) phân công cụ thể: Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Kê biên, niêm phong tài sản” tại nhà bà Trương Thị L theo quyết định của Toà án. Sau khi kê biên xong ông V1 đi học tập trung tại thành phố T, phần còn lại giải toả kê biên theo Quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án thì ông V1 không thực hiện. Nay ông Đ yêu cầu Cơ quan thi hành án và Chấp hành viên bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì ông V1 không chấp nhận.

Bị đơn ông Lê Văn C1 trình bày: Ngày 06/5/2020 Toà án ra Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT về việc huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc giải toả kê biên tài sản. Lãnh đạo đơn vị phân công ông C1 tổng đạt quyết định thi hành án và quyết định đình chỉ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ông Đ khởi kiện ông C1 là sai đối tượng, vì theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và quyết định huỷ bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời CCTHADS huyện V và Chấp hành viên chỉ làm việc với bà L, không làm việc và liên quan đến ông Đ. Do đó, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Hùng C2 trình bày: Căn cứ Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/4/2020 của Tòa án về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Kê biên tài sản đang tranh chấp”, buộc bà Trương Thị L phải thực hiện biện pháp kê biên tài sản đang tranh chấp. Sau khi nhận quyết định trên, CCTHADS huyện V đã ra Quyết định thi hành án chủ động số 398/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2020, đồng thời phân công Chấp hành viên Trương Hoàng V1 thực hiện việc kê biên tài sản đang tranh chấp của bà L theo quy định. Từ quá trình kê biên tài sản đến khi đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đều do Chấp hành viên Trương Hoàng V1 thực hiện. Nay ông Đ khởi kiện CCTHADS huyện V yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì ông đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 do ông Trần Văn T6 đại diện trình bày: Ngày 25/01/2019 Ngân hàng và Công ty trách nhiệm hữu hạn T15 (viết tắt là: Công ty) có thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1902500448, theo thỏa thuận Ngân hàng cho Công ty V3 số tiền 300.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay, các bên ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 1902500448 ngày 30/01/2019 là quyền sử dụng đất tại thửa 1296, tờ bản đồ số 07 tại ấp A, thị trấn N, huyện V. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty trả cho Ngân hàng số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/7/2020 là 16.339.636 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp Công ty không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ và bà L phải có trách nhiệm trả nợ; trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết; trường hợp sau khi bán tài sản thế chấp mà không đủ bù đắp số tiền vay gốc, lãi, chi phí liên quan thì Công ty có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu theo quy định. Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà L cùng liên đới trách nhiệm trả nợ.

- Ông Phạm Thanh L1 trình bày: Ngày 23/11/2018 ông L1 có cho ông Nguyễn Văn Đ vay mượn số tiền 502.344.177 đồng để ông Đ đáo hạn ngân hàng, ông L1 chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông Đ tại Ngân hàng S2. Khi hỏi mượn tiền do ông Đ cam kết trong vòng 03 ngày sẽ trả nên không có thỏa thuận lãi, nhưng từ khi cho vay đến nay ông Đ chưa trả gốc và lãi. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ nên ông L1 yêu cầu ông Đ phải thanh toán tiền gốc và yêu cầu trả lãi suất 20%/năm/số tiền vay, tính từ ngày 23/11/2018 cho đến khi thanh toán xong.

- Ông Lê Chí T trình bày: Vào khoảng tháng 9/2019 ông T có bán vật liệu xây dựng cho ông Đ để ông Đ làm công trình và làm nhà; khi giao vật liệu xây dựng ông T thuê nhân công chở vật liệu đến địa điểm do ông Đ yêu cầu, do quen biết nên không có ký kết hợp đồng mua bán, mà chỉ có sổ theo dõi và giao hoá đơn bán lẻ (không có ký nhận), hai bên thỏa thuận trả tiền nhiều lần, đến tháng 02/2020 hai bên tạm ngừng việc mua bán. Hiện tại, ông Đ còn nợ tiền vật liệu xây dựng là 240.000.000 đồng. Nay ông T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ

phải có trách nhiệm trả lại số tiền mua vật liệu xây dựng tổng cộng là 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn T3 và bà Dương Thị H3 cùng trình bày: Trước đây, ông bà có sang đất cho ông Châu Thanh H1 và bà Nguyễn Thị P nhưng không nhớ thời gian, diện tích là bao nhiêu, chỉ nhớ sang với giá 50.000.000 đồng; ông bà đã giao đất cho vợ chồng ông H1 và vợ chồng ông H1 đã trả đủ tiền, do đó ông T3 và bà H3 không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ông Châu Thanh H1 và bà Nguyễn Thị P cùng trình bày: Nguồn gốc phần đất do ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3. Ngày 07/5/2016 ông bà chuyển nhượng lại cho bà Trương Thị L. Phần đất có chiều ngang khoảng 08m, dài khoảng 15m, giá chuyển nhượng là 35.000.000 đồng, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay có xác nhận của chính quyền địa phương; bà L đã giao đủ tiền và ông bà đã giao đất cho bà L nên ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.

- Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị H2 cùng trình bày: Năm 2017, giữa ông T2 với ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị L có thỏa thuận một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chiều ngang 08m, chiều dài đến giáp ranh đất Bé H4 (không biết dài bao nhiêu), với giá thỏa thuận là 250.000.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán có mặt ông T2, ông Đ và bà L. Các bên thỏa thuận trả tiền làm 03 lần, cụ thể: Lần 1, vợ chồng ông Đ với bà L qua nhà ông T2 trả 100.000.000 đồng; lần 2, vợ chồng ông Đ với bà L qua nhà ông T2 trả 100.000.000 đồng; lần 3, chỉ có một mình bà L qua trả 50.000.000 đồng. Hiện nay ai đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T2 không biết. Do ông T2 và bà H2 đã nhận đủ tiền chuyển nhượng nên ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Cục Thuế tỉnh H (do ông Huỳnh Thanh T4 đại diện) trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn T15 có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Đ. Tính đến ngày 04/01/2023, Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp là 76.377.149 đồng. Nay Cục Thuế tỉnh H đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm nộp dứt điểm số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp nêu trên vào Ngân sách nhà nước và Công ty phải thực hiện các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Văn phòng C4 trình bày: Vào ngày 09/10/2017, Văn phòng C5 có tiếp nhận, thụ lý hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H2 với bà Trương Thị L (bên nhận chuyển nhượng). Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang, thuộc thửa đất số 1296, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 936026, số vào sổ cấp GCN: CS 01988 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 06/7/2016 (do ông Nguyễn Văn T2 đứng tên). Các bên tham gia giao dịch cung cấp đủ hồ sơ theo quy định về công chứng; các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao dịch; mục đích, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội; việc chứng thực hợp đồng nêu

trên là phù hợp với quy định pháp luật. Văn phòng công chứng không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì trong vụ án.

- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (do ông Trương Hoàng V1 đại diện) trình bày:* Ông V1 được phân công thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Kê biên tài sản đang tranh chấp” của Tòa án. Khi ông V1 thi hành quyết định thì bà Trương Thị L không có mặt ở nhà và khóa cửa nên ông V1 biên bản về việc vắng mặt đương sự, sau đó lập biên bản về việc mở khóa để cưỡng chế thi hành án và kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành việc kê biên, xử lý tài sản; việc kê biên có lập biên bản với sự chứng kiến của Kiểm sát viên và chính quyền địa phương; sau đó ông V1 tiếp tục lập biên bản về việc niêm phong tài sản. Đến ngày 06/5/2020, CCTHADS huyện V nhận được Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 06/5/2020 của Tòa án về việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, Thủ trưởng CCTHADS huyện V ra Quyết định số 31/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc đình chỉ thi hành án; Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc giải tỏa kê biên tài sản. CCTHADS huyện V có biên bản tổng đạt 02 Quyết định nêu trên. Về phía CCTHADS huyện V thì chỉ tổng đạt Quyết định số 31/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc đình chỉ thi hành án; Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS ngày 11/5/2020 về việc giải tỏa kê biên tài sản cho người nhận là bà Trương Thị L mà không lập biên bản về việc mở niêm phong tài sản kê biên, cũng không lập biên bản bàn giao tài sản kê biên (do không có biểu mẫu).

- *Ông Nguyễn Trọng K1 trình bày:* Ông K1 không có bà con gì với ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị L. Vào ngày 08/12/2017, ông K1 có tham gia họp Hội đồng quản trị Công ty TNHH T15 với tư cách Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký. Trên thực tế ông K1 tham gia cho đủ thành phần để Công ty hoạt động, còn các nhiệm vụ khác ông K1 chưa bao giờ thực hiện. Trong Công ty, ông K1 không góp vốn, không được hưởng quyền lợi gì từ Công ty. Sau khi ký Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 08/12/2017 thì ông K1 không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì trong Công ty TNHH T15.

Tại Bản án sơ thẩm số: 06/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với bà Trương Thị L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Đ với bà Trương Thị L được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chưa có nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung: Tổng giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng, vật dụng gia đình: 2.016.641.000 đồng.

3.1. Giao cho bà Trương Thị L được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tại thửa số 1296, thuộc tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang có chu vi:

- Ngang giáp đường tránh thị trấn N, huyện V): 8.58m.
- Ngang sau giáp thửa 899: 8.12m.
- Dài giáp thửa 1206 (32.80m + 13.10m + 6.92m) tổng cộng: 53.72m (Trong đó có 6.92m nằm trong phạm vi giải tỏa).
- Dài giáp thửa 1295 (32m + 10.63m + 6.91m) tổng cộng: 49.54m (Trong đó có 6.91m nằm trong phạm vi giải tỏa).
- Dài giáp thửa Ta (92m + 10.03m + 6.91m) tổng cộng: 49.54m (Trong đó có 6.91m nằm trong phạm vi giải tỏa).

Theo mảnh trích đo địa chính số 123/HGR ngày 11/11/2020 của Công ty Cổ phần T16 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 936026 - CS 01988 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 06/7/2016 (do ông Nguyễn Văn T2 đứng tên), được chỉnh lý biến động ngày 19/10/2017 cho bà Trương Thị L đứng tên (không cấp giấy mới). Có giá trị quyền sử dụng đất là 770.477.400 đồng;

3.2. Giao cho bà Trương Thị L được tiếp tục quản lý sử dụng gồm: nhà ở diện tích 1: 113.656.725 đồng; phần chân tường ốp gạch bông: 5.892.480 đồng; nhà ở diện tích 2: 402.721.500 đồng; phần chân tường ốp gạch bông: 10.771.200 đồng; mái che trước: 11.348.640 đồng; mái che sau: 14.110.776 đồng; nhà thủy tạ: 73.912.988 đồng; vách tường lưng: 6.170.220 đồng; nhà vệ sinh: 4.726.646 đồng; chân tường ốp gạch bông: 1.318.918 đồng; sân trước: 4.500.104 đồng; sân sau: 3.687.750 đồng; chuồng chó: 786.045 đồng; hàng rào 1: 6.351.600 đồng; hàng rào 2: 15.744.384 đồng; hàng rào 3: 4.884.106 đồng; hồ cá: 52.579.717 đồng; giường ngủ (vật dụng gia đình): 13.000.000 đồng. Tổng giá trị là: 746.163.798 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và vật dụng gia đình 770.477.400 đồng + 746.163.798 đồng = 1.516.641.198 đồng.

3.3. Buộc bà Trương Thị L có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Văn Đ $\frac{1}{2}$ giá trị chia tài sản chung số tiền: 758.320.599 đồng.

3.4. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị L số tiền: 33.258.638 đồng (do bà L đã trả cho Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh H5).

4. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị L số tiền: 500.000.000 đồng. Trách nhiệm bồi thường như sau:

4.1. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền: 250.000.000 đồng.

4.2. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bồi thường cho bà Trương Thị L số tiền: 250.000.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thanh L1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ với bà Trương Thị L trả số tiền vốn lãi tổng cộng: 708.037.371 đồng; trong đó, vốn: 502.344.177 đồng và 205.693.194 đồng tiền lãi. Trách nhiệm cụ thể như sau:

5.1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh L1 số tiền: 354.018.685 đồng; trong đó, vốn 251.172.088 đồng; lãi là 102.846.597 đồng.

5.2. Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh L1 số tiền: 354.018.685 đồng; trong đó, vốn 251.172.088 đồng; lãi là 102.846.597 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Chí T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ với bà Trương Thị L trả số tiền mua vật liệu xây dựng tổng cộng: 240.000.000 đồng. Trách nhiệm cụ thể như sau:

6.1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Chí T số tiền: 120.000.000 đồng.

6.2. Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Chí T số tiền: 120.000.000 đồng.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ về việc trả nợ thuế cho Chi cục thuế Khu vực I, tỉnh Hậu Giang. Ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả nợ thuế cho Chi cục thuế Khu vực A1, tỉnh Hậu Giang số tiền thuế tính đến ngày 04/01/2023 tổng cộng: 76.377.149 đồng; trong đó, thuế giá trị gia tăng: 58.422.828 đồng và tiền chậm nộp: 17.654.321 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục trả nợ tiền thuế phát sinh kể từ ngày 05/01/2023 cho đến khi giải thể doanh nghiệp.

8. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh H5; đình chỉ xét xử phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về phần yêu cầu: hai chân bàn gỗ hương và hai chân bàn gỗ xá xị (đều không có mặt bàn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

Ngày 18/01/2023, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm định giá lại tổng giá trị quyền sử dụng đất diện tích 415,8m² tại thửa 1296, tọa lạc tại ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Định giá lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại cho phù hợp giá thị trường và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy có trách nhiệm bồi thường ½ giá trị tài sản thiệt hại.

Ngày 16/01/2023, bà Trương Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án, theo hướng bác yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, nợ chung của ông Nguyễn Văn Đ.

Ngày 18/01/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy kháng cáo yêu cầu xem xét sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 02/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ đối với bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2023/HNGD-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, đối với nội dung giải quyết về tài sản chung, nợ chung của ông Đ, bà L; về buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy bồi thường thiệt hại cho ông Đ, bà L. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm, đối với nội dung giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng; về buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị L, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị L, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Đối với nội dung tranh chấp về quan hệ hôn nhân và con chung, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát có thẩm quyền không kháng nghị, nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về thụ lý vụ án:

Ngày 25/02/2020 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 93/2020/TLST-HNGĐ về "Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn". Đến ngày 22/4/2022 ông Đ mới có đơn khởi kiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, ông Trương Hoàng V1 và ông Lê Văn C1, vì ông Đ cho rằng khi Cơ quan thi hành án giải tỏa kê biên tài sản nhưng không giao các tài sản cho ai quản lý làm thất thoát tài sản của ông nên ông Đ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, ông V1 và ông C1 có trách nhiệm bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước về thiệt hại đối với số tài sản đã được kê biên ngày 29/4/2020, nhưng ngày 25/4/2022 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự số 46/TB-TLVA và xác định quan hệ tranh chấp là "*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" là chưa đúng với quy định tại Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015 về Bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra: "*Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*". Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ trình bày là ông chưa khiếu nại gì đối với việc ông cho rằng có vi phạm trong quá trình thực hiện công vụ của chấp hành viên và chưa yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy giải quyết yêu cầu bồi thường; đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, ông V1 và ông C1 cũng xác định chưa nhận được bất kỳ văn bản nào của ông Đ khiếu nại về thiệt hại đối với số tài sản đã được kê biên ngày 29/4/2020 và chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi của chấp hành viên là trái pháp luật. Đồng thời, bà L cũng thừa nhận bà là người bán bộ salon gỗ cẩm, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án số 46/TB-TLVA ngày 25/4/2022 đối với khởi kiện của ông Đ và ra quyết định nhập hai vụ án trên thành một vụ án để giải quyết theo thủ tục chung là không đúng với quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự về nhập hoặc tách vụ án và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[4]. Về xác định tài sản chung của vợ chồng:

[4.1] Về phần đất nhận chuyển nhượng của ông Châu Thanh H1 và bà Nguyễn Thị P. Theo lời trình bày của ông H1 và bà P vào ngày 07/5/2016, ông H1 và bà P có làm hợp đồng chuyển nhượng đất (giấy tay) cho bà Trương Thị L, chiều ngang khoảng 8m, dài khoảng 15m, diện tích khoảng 40-50m² với giá chuyển nhượng là 35.000.000 đồng. Xét thấy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/5/2016 chỉ có bà L ký tên bên nhận chuyển nhượng; tại thời điểm chuyển nhượng ông Đ và bà L chưa là vợ chồng (ông bà đăng ký kết hôn ngày 07/3/2018), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông Huỳnh Hữu T7 để xác định phần đất này là tài sản chung của ông Đ và bà L là chưa có đủ căn cứ pháp lý vững chắc.

[4.2] Đối với phần đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T2. Theo lời khai của ông T2 thì vào khoảng năm 2017 giữa ông T2 với ông Đ, bà L có thỏa thuận chuyển nhượng phần đất chiều ngang 08m, chiều dài giáp ranh đất Bé H4, với giá chuyển nhượng là 250.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai này của ông T2 để xác định phần đất nhận chuyển nhượng của ông T2 là tài sản chung của ông Đ và bà L là chưa có đủ căn cứ, vì ông T2 không biết rõ cụ thể số tiền là của ai. Đồng thời, phần đất này được chỉnh lý biên động ngày

19/10/2017 cho bà Trương Thị L đứng tên (không cấp giấy mới) và đến khi ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ cũng xác định từ khi phân đất chỉnh lý biến động sang tên bà L đến nay ông Đ cũng không có khiếu nại gì đối với việc bà L được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.3] Đối với căn nhà và vật kiến trúc: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh làm rõ nguồn tiền mua vật liệu xây dựng từ đâu có, ai là người trực tiếp mua, trong khi đó các biên nhận bà L cung cấp đều ghi tên người mua là bà L. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong thời gian này hai người chung sống với nhau và xác định đây là tài sản chung để chia là không phù hợp.

[5]. Về nợ chung:

[5.1] Đối với số nợ vay của ông Phạm Thanh L1: Ông Đ trình bày đối với số tiền vay của ông L1 là dùng để đáo hạn ngân hàng cho Công ty TNHH T15. Ông L1 cũng xác định người vay tiền của ông là ông Đ, số tiền cho vay cũng chuyển vào số tài khoản cá nhân của ông Đ. Xét thấy, tại thời điểm này ông Đ là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều phối hoạt động kinh doanh của công ty và ông Đ vay số tiền này để Công ty để đáo hạn ngân hàng. Đồng thời, đối với khoản nợ này bà L xác định bà không biết, không thừa nhận là nợ chung và không đồng ý trả. Tại đơn yêu cầu độc lập của ông L1 thì ông L1 chỉ yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đ, bà L cùng trả nợ là vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu của ông L1.

[5.2] Đối với số nợ tiền vật liệu xây dựng của ông Lê Chí T: Căn cứ vào lời khai của ông T thì ông Đ là người trực tiếp mua vật liệu xây dựng của ông T và trên các hóa đơn bán lẻ mua hàng chỉ có chữ ký của ông Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận ông mua vật liệu xây dựng của ông T để phục vụ cho công trình và xây dựng căn nhà tại ấp A, thị trấn N, nhưng ông không xác định được số vật liệu sử dụng vào việc xây dựng căn nhà là bao nhiêu. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ để làm rõ, nhằm quyết định chính xác việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà chia đôi khoản nợ là chưa khách quan.

[6]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chấp hành viên được phân công thi hành công vụ đã không thực hiện đúng quy định của Luật Thi hành án dân sự gây thiệt hại làm thất thoát tài sản để buộc bồi thường là chưa đủ cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, từ thời điểm Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 398/QĐ-CCTHADS ngày 03/4/2020 đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu bồi thường của ông Đ thì Cơ quan Thi hành án dân sự chưa có văn bản nào kết luận có việc vi phạm trong quá trình thực hiện công vụ của chấp hành viên. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà L cũng thừa nhận là sau khi tài sản kê biên được giải tỏa thì bà đã bán bộ salon gỗ cẩm, vì bà L cho rằng các tài sản niêm phong đó là tài sản riêng của bà. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được số tài sản kê biên là của chung vợ chồng ông Đ, bà L hay của riêng bà L; việc bà L bán tài sản này chưa được làm rõ nhưng lại khẳng định Chấp hành viên thực hiện không đúng quy định để buộc Chi cục thi hành án dân

sự huyện V bồi thường. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng xác định là bà không có yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V và các Chấp hành viên có liên quan bồi thường thiệt hại đối với tài sản là bộ salon gỗ cẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định do Chấp hành viên có vi phạm trong khi thực hiện công vụ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đ, đồng thời quyết định bồi thường cho ông Đ và bà L là chưa phù hợp.

[7]. Từ những nhận định trên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, hủy một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và về buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị L. Do Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang về yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

[8]. Về án phí và chi phí tố tụng sơ thẩm liên quan đến việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

[9]. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

[10]. Chi phí định giá lại tài sản tranh chấp tại cấp phúc thẩm là 11.750.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu, ông Đ đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 06/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang **đối với phần** tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với phần bản án đã bị hủy.

2. Về án phí và chi phí tố tụng sơ thẩm liên quan đến việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 32.625.000 (ba mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000966 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Số tiền 32.550.000 (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng còn lại sẽ được giải quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

Bà Trương Thị L phải nộp án phí số tiền là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003178 ngày 19/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bà Trương Thị L được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003177 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Chi phí định giá lại tài sản tranh chấp tại cấp phúc thẩm là 11.750.000 (mười một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu, ông Đ đã nộp xong.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân